

UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2370/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 7 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư  
Tân Trường, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá; Quyết định số 1938/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tân Trường, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn tại Tờ trình số 693/TTr-BQLKTNS ngày 25 tháng 4 năm 2016; của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 3014/SXD-QH ngày 15 tháng 6 năm 2016 về việc báo cáo thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Tân Trường, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Tân Trường, Khu kinh tế Nghi Sơn, với nội dung chính sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Tân Trường, khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

## **2. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:**

Khu vực lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính của xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, được giới hạn cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp khu sân GOLF theo dự kiến quy hoạch.
- Phía Nam giáp núi Gò Trường.
- Phía Đông giáp khu cây xanh theo dự kiến quy hoạch.
- Phía Tây giáp núi Gò Trường.

## **3. Tính chất chức năng:**

Là Khu dân cư, trung tâm đào tạo trong Khu kinh tế Nghi Sơn.

## **4. Các chỉ tiêu cơ bản về đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:**

Các chỉ tiêu cơ bản về đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật như sau:

- Chỉ tiêu đất dân dụng: 153 m<sup>2</sup>/người.

Trong đó:

- + Đất đơn vị ở: 63 m<sup>2</sup>/người;
- + Đất giao thông: 39 m<sup>2</sup>/người;
- + Đất công cộng dịch vụ đô thị: 16 m<sup>2</sup>/người;
- + Đất cây xanh, TDTT: 35 m<sup>2</sup>/người.

- Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

+ Chỉ tiêu cấp điện toàn khu vực: 23.772 KVA;

+ Cấp nước: 180 l/người/ngđ.

+ Thoát nước: Thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Lượng nước thải bằng lưu lượng nước cấp.

+ Chỉ tiêu xử lý chất thải: 1,2 kg/người/ngđ.

## **5. Quy mô đất đai:**

Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch là 308,0 ha, được quy hoạch sử dụng đất như sau:

TT	Loại đất	Hiện trạng		Quy hoạch	
		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng</b>	<b>3,080,000</b>		<b>3,080,000</b>	
<b>I</b>	<b>Đất xây dựng các khu chức năng khu đô thị</b>	<b>223,963</b>	<b>7.3</b>	<b>3,080,000</b>	<b>100.0</b>
1	Đất công cộng	-	-	385,258	12.5
2	Đất ở	33,638		1,261,487	41.0
	- Nhà ở hiện trạng cải tạo	33,638		520,142	16.9
	- Nhà ở biệt thự			160,586	5.2
	- Nhà ở chia lô liền kề			164,829	5.4
	- Nhà ở hỗn hợp			164,710	5.3
	- Nhà ở chung cư		-	251,220	8.2
3	Đất cây xanh TĐTT		-	691,362	22.4
4	Đất giao thông, hạ tầng đầu mối	190,325	6.2	741,893	24.1
<b>II</b>	<b>Đất khác</b>	<b>2,856,037</b>	<b>92.7</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
2.1	Đất trồng lúa	1,160,816	37.7		
2.2	Đất trồng hoa màu	921,236	29.9		
2.3	Đất ao hồ, mặt nước	133,297	4.3		
2.4	Đất đồi núi	299,126	9.7		
2.5	Đất trống	341,562	11.1		

## 6. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Tổ chức thành các cụm không gian chức năng, phù hợp với nhu cầu sử dụng khai thác sau này. Mạng không gian linh hoạt kết hợp giữ mạng ô cờ, mạng đường cong và liên kết với trục chính Đông Tây của toàn khu kinh tế Nghi Sơn.

Không gian chính, chủ đạo và điểm nhấn cho toàn khu quy hoạch là khu vực công viên cây xanh trung tâm với các công trình công cộng bao quanh. Khu vực này cần được kiểm soát chặt chẽ về không gian, kiến trúc và thẩm mỹ riêng biệt nhằm tạo nên ấn tượng và định hướng không gian kiến trúc cho toàn khu quy hoạch. Kết hợp hệ thống cây xanh, mặt nước hiện hữu và cây xanh mặt nước, đồi núi bao quanh khu vực thiết kế tạo nên hệ thống cảnh quan thống nhất.

### 6.1. Đất công cộng dịch vụ đô thị

Bố trí công trình dịch vụ thương mại tổng hợp, nhà văn hóa câu lạc bộ và trạm y tế bao quanh quảng trường trung tâm đảm bảo điều kiện tiếp cận và cung cấp dịch vụ thuận lợi cho người sử dụng. Hệ thống các công trình hợp khối liên hoàn, thống nhất về hình thái kiến trúc để nhấn không gian quảng trường trung tâm tạo nên không gian chủ đạo cho toàn khu quy hoạch.

Các chỉ tiêu kỹ thuật:

- Dịch vụ thương mại tổng hợp (lô C10): diện tích 1,70 ha, mật độ XD 40%, tầng cao trung bình 2 tầng.
- Dịch vụ tài chính (lô C9): diện tích 1,9 ha, mật độ XD 30%, tầng cao trung bình 3 tầng.
- Nhà văn hóa – CLB (lô C8): diện tích 0,5ha, mật độ XD 30%, tầng cao tối đa 3 tầng.
- Trạm y tế (lô C4): diện tích 0,57ha, mật độ XD 30%, tầng cao tối đa 2 tầng.
- Ngoài ra bố trí các khu thương mại dịch vụ tại vị trí các lô C5, C6, C7 để phục vụ nhu cầu của người dân, sinh viên học sinh trong khu vực quy hoạch với tổng diện tích 1,53ha, mật độ XD 30%, tầng cao tối đa 3 tầng.

Yêu cầu về quản lý kiến trúc, hạ tầng: Kiến trúc công trình độc đáo, mang tính biểu tượng cao tạo điểm nhấn cho toàn khu quy hoạch và tạo sự hấp dẫn, định hướng kiến trúc cho toàn khu. Hệ thống hạ tầng đi ngầm, tạo mỹ quan cho kiến trúc công trình.

### 6.2. Đất giáo dục, đào tạo

- Bố trí trường mầm non tại lô T6 với quy mô diện tích 0,85ha, có thể cung cấp dịch vụ chăm giữ trẻ cho các gia đình cán bộ trong khu đô thị và khu vực lân cận. Mật độ xây dựng 30%, tầng cao tối đa 2 tầng. Ngoài ra còn bố trí các trường mầm non, mẫu giáo trong các khu ở cao tầng để phục vụ trực tiếp nhu cầu gửi trẻ của người dân trong các khu này và có thể phục vụ các khu lân cận.

- Trường tiểu học và THCS: bố trí thành 2 cụm phía Bắc và phía Nam

+ Cụm phía Bắc: lô T2 diện tích 0,98ha (quy mô đào tạo dự kiến 655 học sinh) và lô T3 diện tích 0,98ha; mật độ XD 30%, tầng cao tối đa 3 tầng.

+ Cụm phía Nam: lô T4 diện tích 1,78 ha (quy mô đào tạo dự kiến 1189 học sinh) và lô T5 diện tích 2,2 ha; mật độ XD 30%, tầng cao tối đa 3 tầng.

- Trường THPT: bố trí tại lô T1 với diện tích 1,76ha; mật độ XD 30%, tầng cao tối đa 5 tầng, tầng cao trung bình 3 tầng.

- Trường cao đẳng dạy nghề: bố trí tại lô ĐT1 và ĐT2 với diện tích là 4,96ha và 5,97ha; mật độ XD 25%, tầng cao tối đa 5 tầng.

Yêu cầu về quản lý kiến trúc, hạ tầng: Kiến trúc công trình độc đáo, mang tính biểu tượng cao tạo điểm nhấn cho toàn khu quy hoạch và tạo sự hấp dẫn, định hướng kiến trúc cho toàn khu. Hệ thống hạ tầng đi ngầm, tạo mỹ quan cho kiến trúc công trình.

### 6.3. Đất ở

Công trình nhà ở đóng vai trò chủ đạo trong khu quy hoạch bao gồm nhà ở hiện trạng cải tạo, nhà ở chung cư cao tầng, nhà ở biệt thự và nhà ở liền kề.

- Nhà ở chung cư: lô CT1, CT2, CT3, CT4, CT5, có tầng cao 5-7 tầng, với các căn hộ có quy mô từ 50 – 120 m<sup>2</sup>/hộ. Mỗi đơn nguyên đáp ứng nhu cầu ở cho 50-56 căn hộ. Cụm công trình nhà ở chung cư bố trí dọc theo trục trung tâm khu dân cư. (Dự án Khu cư xá Công Thanh nằm tại 2 lô CT4 và CT5 đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết). Tổng diện tích đất 25,12ha, mật độ XD 30%, tầng cao tối đa 7 tầng. Dân số dự kiến 4.480 người.

- Nhà ở cao tầng hỗn hợp: lô HH1, HH2, HH3, HH4 có tầng cao 7-9 tầng. Cụm công trình nhà ở hỗn hợp bố trí bao quanh quảng trường trung tâm. Tổng diện tích đất 16,47 ha, mật độ XD 30%, tầng cao tối đa 9 tầng.

- Đất ở biệt thự: bố trí ở phía Tây và Nam khu quy hoạch. Diện tích đất 180-250m<sup>2</sup>/lô, tầng cao 2-3 tầng, mật độ xây dựng : 30- 40%, hệ số sử dụng đất 0,9 lần. Tổng diện tích đất 20,41 ha với 29 lô đất.

- Đất ở liền kề: Diện tích đất 120-150m<sup>2</sup>/lô, tầng cao 3-4 tầng, mật độ chiếm đất 70- 80%. Tổng diện tích đất 22,87 ha.

- Đất ở hiện trạng cải tạo: diện tích 52,01 ha, mật độ XD 40 - 60%.

### 6.4. Đất cây xanh

- Giải pháp phân bố: Đất cây xanh bao gồm cây xanh cách ly, sông hồ mặt nước, bãi đỗ xe và cây xanh công viên. Bố trí phân tán trên toàn khu quy hoạch. Phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu cách ly và góp phần tạo lập cảnh quan cho khu đô thị. Khai thác các vị trí của các khu cây xanh để xây dựng

thành các khu chức năng cho khu đất phục vụ cho nhu cầu hoạt động của khu dân cư. Khu các cây xanh, hành lang cách ly bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình tiện ích đô thị. Ngoài ra, trong triển khai chi tiết kiến nghị các cụm tổ hợp nhà ở sẽ bố trí mật độ cây xanh hợp lý trong khu vực kể cận góp phần cải thiện môi trường ở, tạo tiện nghi sinh hoạt.

- Tổng diện tích đất: 69,13 ha, chiếm 22,45%. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: mật độ xây dựng tối đa 10%, tầng cao 1- 2 tầng, hệ số sử dụng đất 0,1 lần

- Yêu cầu về quản lý kiến trúc, hạ tầng: Phối hợp với các yếu tố tạo lập thẩm mỹ cho khu đô thị như cây xanh, mặt nước, ánh sáng, vật liệu và các giải pháp tổ chức không gian cảnh quan cho khu đô thị.

#### *6.5. Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật đầu mối*

Giải pháp phân bố: bao gồm đất quảng trường giao thông và các công viên bố trí hạ tầng kỹ thuật như trạm điện, trạm bơm nước, trạm xử lý nước thải...

Quy mô diện tích: 69,83ha; chiếm 22,7%.

### **7. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:**

#### *7.1. Quy hoạch giao thông:*

\* Đường giao thông đối ngoại bao gồm:

- Đường số 1: là tuyến đường trục chính của đô thị, đồng thời cũng là tuyến đường đối ngoại (đường Thái Hòa – Nghi Sơn), đi qua trung tâm đô thị với chiều dài 2470m có lộ giới 42m. (Mặt đường: 10,50mx2; Dải phân cách: 5,0m; Vía hè 2x8,0m=16,0m; Kết cấu: BTN).

- Đường số 2: là tuyến đường trục chính giao nhau với đường số 1 tạo thành 2 trục chính của đô thị, có lộ giới 32m, chiều dài 1557m. (Mặt đường: 7,5mx2; Dải phân cách: 5,0m; Vía hè 2x6,0m=12,0m; Kết cấu: BTN).

- Đường số 3: lộ giới 32,0m, chiều dài 261m (Mặt đường: 7,5x2m; Vía hè 2x6,0m=12,0m; Dải phân cách: 5,0m; Kết cấu: BTN).

\* Đường giao thông nội bộ: Được hình thành trên cơ sở phân bố các tiểu khu của các phân khu chính, gồm các tuyến đường bao quanh lô quy hoạch và hệ thống đường nội bộ từ các tiểu khu chức năng nối với nhau và nối với đường chính, ký hiệu các tuyến đường từ số 4 đến số 17, có lộ giới từ 13,0m – 27,0 m, vỉa hè từ 3,0 – 8,0 m mỗi bên.

Ngoài ra còn hệ thống đường nội bộ trong các nhóm nhà ở với mặt cắt đường 13,5m (mặt đường 7,5m hè đường mỗi bên 3m) và 10,5m (mặt đường 5,5m hè đường mỗi bên 2,5m)

\*Bãi đỗ xe: Bố trí 1 bãi đỗ xe với tổng diện tích là 19.710m<sup>2</sup>. Ngoài ra trong các khu công cộng cũng như khu nhà ở sẽ có các bãi đỗ xe trong nội bộ các khu.

### 7.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

Căn cứ trên cao độ tự nhiên của khu vực, cao trình H<sub>max</sub> của sông Trầu bằng 3,80m, cao độ san nền khu vực được khống chế từ 7m đến 18,5 m. Hướng dốc san nền từ Tây Bắc về Đông Nam phù hợp hướng thoát nước chung của khu vực về sông Trầu.

### 7.3. Thoát nước mưa:

Thoát nước cho khu dân cư Tân Trường được quy hoạch theo phương án thoát nước riêng hoàn toàn với nước thải. Khu vực nghiên cứu có hướng dốc địa hình từ Tây sang Đông hướng thoát về khu hồ trong công viên nên việc thoát nước thuận lợi. Lưu vực thoát nước được chia ra nhiều hướng khác nhau, theo phương án thoát cục bộ từng lô đất.

Tất cả các tuyến cống thoát nước được quy hoạch có hướng thoát trùng với hướng dốc của san nền, các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất, để tiện cho việc quản lý sau này, toàn bộ cống, giếng thăm, các giếng thu nước mưa bố trí trên vỉa hè và dưới lòng đường khoảng cách giữa 2 giếng thu từ 30m đến 60m.

### 7.4. Cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước khoảng 7.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn nước cấp cho khu vực theo quy hoạch chung dự kiến được lấy từ nhà máy cấp nước Nghi Sơn dẫn về từ hướng Đông của dự án. Tổng nhu cầu cấp nước từ mạng lưới lấy tròn 7.000 (m<sup>3</sup>/ngđ).

- Từ đường ống cấp nước theo quy hoạch chung, đặt 1 trạm bơm tăng áp ở phía Đông của khu vực để cấp nước. Đường ống cấp nước sinh hoạt và chữa cháy được thiết kế kết hợp. Trên các tuyến đường chính có bố trí các trụ chữa cháy kiểu nổi, tại các ngã ba, ngã tư thuận tiện cho việc xe chữa cháy lấy nước, khoảng cách 120m-150m một trụ chữa cháy.

Đường ống cấp nước đặt chìm dưới đất, các thiết bị trên mạng lưới phải đảm bảo chịu lực và an toàn theo quy định.

### 7.5. Thoát nước thải:

- Nhu cầu cần xử lý nước thải:  $Q=5.600 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn với nước mưa, nước thải từ các lô nhà và các khu công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình rồi dẫn bằng hệ thống cống riêng về trạm bơm chuyển bậc có công suất  $Q=1.500 \text{ (m}^3/\text{ng.đ.)}$ , có vị trí đặt phía Đông Nam của khu vực quy hoạch, sau đó chuyển nước thải tới trạm xử lý nước thải phía Bắc (theo định hướng quy hoạch chung).

- Tất cả các tuyến cống có hướng thoát theo hướng dốc của đường, các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất lợi dụng tối đa địa hình để thoát tự chảy về trạm bơm chuyển bậc, sau đó từ trạm bơm chuyển bậc đến khu xử lý nước thải chung của khu vực.

### 7.6. Vệ sinh môi trường:

Việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn do đơn vị quản lý đô thị đảm nhiệm. Các nhà chung cư sẽ có bố trí hệ thống thu gom rác riêng ở dưới tầng hầm hoặc cạnh toà nhà. Khoảng cách 300m đặt 2 thùng chứa rác (1 thùng vô cơ, 1 thùng hữu cơ). Bố trí 5 điểm chung chuyển rác nằm ở đất cây xanh, khu đất công cộng.

Khối lượng rác thải sau khi thu gom sẽ được chuyển về trạm xử lý tập trung của Khu kinh tế Nghi Sơn dự kiến đặt ở phía Nam của khu vực.

### 7.7. Quy hoạch cấp điện:

- Nhu cầu cấp điện toàn khu vực: 23.772 KVA;

- Nguồn điện lấy từ trạm biến áp 110KV Nghi Sơn cấp điện cho Khu quy hoạch dân cư Tân Trường.

- Khu vực quy hoạch được cấp điện bởi 33 trạm biến áp với tổng công suất của các trạm là 23.740KVA và có công suất từ 250KVA đến 2000KVA. Máy biến áp có cấp điện áp 22/0,4KV. Cáp ngầm được đặt trong mương cáp hoặc hào cáp kỹ thuật. Cáp điện hạ áp 0,4kV cấp điện cho các hộ tiêu thụ là loại cáp ngầm đi trong hệ thống hào cáp.

Mạng lưới 0,4KV tổ chức theo mạng hình tia dùng cáp ngầm chống thấm.



### *7.8. Chiếu sáng:*

Mạng chiếu sáng tổ chức theo mạng mạch vòng liên kết giữa các trạm nhằm đảm bảo chiếu sáng liên tục.

Mạng điện chiếu sáng thiết kế riêng biệt với hệ thống cấp điện sinh hoạt và được điều khiển bật, tắt đèn bằng tủ điều khiển tự động, sử dụng loại đèn cao áp 250W-220V, khoảng cách giữa các cột đèn theo quy định.

## **8. Các giải pháp bảo vệ môi trường:**

### *8.1. Giải pháp xử lý nước thải:*

Riêng đối với hệ thống xử lý nước thải sẽ sử dụng công nghệ mới đảm bảo xử lý triệt để nhưng không gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt. Sử dụng các bể lọc sinh vật dùng vật liệu nổi thu khí và châm phen nhiều bậc, đồng thời với việc chế biến cặn trong điều kiện yếm khí và làm khô cặn bằng bốc hơi hoặc dùng thiết bị hút chân không sẽ đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý đáp ứng tốt nhất các tiêu chuẩn vệ sinh, không gây ô nhiễm không khí, đảm bảo công trình xử lý gọn nhẹ chiếm ít đất xây dựng và mỹ quan.

### *8.2 Giải pháp khống chế ô nhiễm môi trường đất, không khí và tiếng ồn:*

Trong quá trình thi công cũng như trong giai đoạn quản lý khu đô thị cần quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng, khắc phục triệt để tình trạng trôi trượt sụt lở đất.

Bố trí và phân đợt xây dựng hợp lý các công trình để tránh ảnh hưởng của tiếng ồn và chấn động của các khu vực đang xây dựng tới khu vực đã ổn định.

Bố trí khoảng cách ly hợp lý giữa các khu chức năng, hệ thống giao thông và các khu dân cư xung quanh, trồng cây xanh cách ly để giảm sự lan truyền tiếng ồn và chấn động.

Quy hoạch và bố trí hợp lý các khu chức năng bao gồm khu ở, khu hành chính, khu thương mại và khu sản xuất. Bố trí hợp lý các khu vực cây xanh để tạo cảnh quan và làm hàng rào chắn ô nhiễm không khí.

Trong thời gian chuẩn bị và thi công cần có biện pháp giảm thiểu lượng bụi phát sinh. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công.

Sử dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến ít gây ô nhiễm, sử dụng các nguyên vật liệu ít hoặc không gây ô nhiễm không khí.

### *8.3. Bảo vệ các khu vực cây xanh và mặt nước.*

Trong và sau khi xây dựng cần thu gom toàn bộ các phế thải xây dựng tránh để tồn đọng gây ô nhiễm đất.

Các chất thải rắn sinh hoạt cần được thu gom và phân loại thành chất thải rắn vô cơ và chất thải rắn hữu cơ. Bãi tập kết rác và xử lý tạm thời cần được thiết kế sao cho vừa đảm bảo mỹ quan vừa đảm bảo về các thông số kỹ thuật để tránh gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí.

Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải và sử dụng các công nghệ hiện đại để giảm mức độ ảnh hưởng của ô nhiễm đất do nước thải bị ô nhiễm đổ ra môi trường đất

### *8.4. Giải pháp khống chế ô nhiễm môi trường nước*

Nước thải sản xuất cần được xử lý riêng đạt tiêu chuẩn cho phép.

Quản lý chặt chẽ nước thải sinh hoạt, sản xuất. Nước thải phải được thu gom xử lý tập trung hoặc được sử dụng cục bộ đạt tiêu chuẩn quy định rồi mới được thải ra hệ thống thoát nước.

### *8.5. Giám sát môi trường:*

Công tác giám sát môi trường sẽ được thực hiện trong các giai đoạn của Quy hoạch: trước khi xây dựng, xây dựng và quản lý khu đô thị. Chương trình giám sát này được đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn sau.

Công tác giám sát các biện pháp giảm thiểu yêu cầu phải có đánh giá chất lượng về tính hiệu quả mang lại từ các biện pháp giảm thiểu được đề xuất áp dụng cho từng ảnh hưởng tiềm ẩn. Công tác này được tiến hành thông qua các cơ quan chức năng thực hiện quy hoạch và giám sát các biện pháp giảm thiểu. Theo kết quả của chương trình giám sát cho thấy rằng nếu các biện pháp đó không phát huy hiệu quả, các cơ quan liên quan cần tiến hành ngay các giải pháp điều chỉnh cho thích hợp.

Giám sát tác động môi trường sẽ xác định các chỉ số của các hoạt động trong quy hoạch liên quan đến môi trường tự nhiên, không khí, nước mặt, nước ngầm và đất. Các đánh giá tác động môi trường sơ bộ đã chỉ ra một số trường hợp mà các hoạt động của quy hoạch có thể ảnh hưởng đến điều kiện môi trường xung quanh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **a) Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn:**

- Tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chi tiết để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Tiếp nhận và Bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch cho đơn vị liên quan để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Từng bước tổ chức nghiên cứu, định vị tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính trên thực địa. Xác lập hệ thống mốc lưới không chế toạ độ độ cao Nhà nước để có cơ sở quản lý hướng dẫn thực hiện.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng và cải tạo đô thị trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước.

b) Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, UBND huyện Tĩnh Gia theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy định hiện hành.

## **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn; Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa;
  - Lưu: VT, CN.
- H4.(2016)QDPD\_QHCT KDC Tan Truong.doc

**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng